

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÌNH LẬP
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày 11-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Chiếu

Ông Trần Đức Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Vệ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Vi Văn H, sinh ngày 06 tháng 01 năm 1968 tại xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 7/10; con ông: Vi Xuân H và bà Vũ Thị G (đã chết); vợ: Vi Thị L, sinh năm 1962; con: Có 03 con; tiền án; tiền sự: Không có; nhân thân: Không bị kết án, không bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/10/2020 đến ngày 02/12/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình Bảo Lãnh. Có mặt.

- Bị hại: Anh Triệu Tiến Q, sinh năm 1984; trú tại: Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Nguyên đơn dân sự:

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Ông Nguyễn Văn T - Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án hình sự số 165/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn). Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:* Bà Sái Thanh T – Công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án hình sự số 19/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Triệu Thị P, sinh năm 1980; trú tại: Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Dương Kim H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2019, anh Triệu Tiến Q đến gặp anh Dương Kim H với mục đích tìm mua đất rừng để trồng cây. Do có quen biết từ trước, anh Dương Kim H gọi điện thoại cho Vi Văn H hỏi xem có đất rừng bán không. Thấy vậy, Vi Văn H nảy sinh ý định lừa bán mảnh đất rừng thuộc khu đồi K và đồi X thuộc thôn K, xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn để lấy tiền ăn tiêu. Vi Văn H nói với anh Dương Kim H là có 01 lô đất rừng muốn bán, nếu có nhu cầu mua thì đến xem cụ thể để thỏa thuận việc mua bán. Đầu tháng 4 năm 2019, anh Triệu Tiến Q và anh Dương Kim H đến gặp Vi Văn H để đi xem đất rừng, Vi Văn H đã đưa hai người đến đồi K và đồi X. Khi đến nơi Vi Văn H chỉ vị trí tiếp giáp của khu đất rừng cần bán cho anh Triệu Tiến Q và anh Dương Kim H. Sau khi xem xong, Vi Văn H bảo với anh Triệu Tiến Q và anh Dương Kim H bán khu đất rừng này với giá 150.000.000 đồng, anh Triệu Tiến Q và anh Dương Kim H nói với Vi Văn H cho thời gian về suy nghĩ và bàn bạc với gia đình, Vi Văn H đồng ý. Sau khi về, anh Dương Kim H nói với anh Triệu Tiến Q là mình không có tiền đóng góp nên để anh Triệu Tiến Q tự mua khu đất rừng nói trên.

Khoảng 09 giờ ngày 22/4/2019, anh Triệu Tiến Q và chị Triệu Thị P (vợ của Triệu Tiến Q), đến nhà anh Dương Kim H rồi cùng nhau lên khu vực đồi K, X để xem rừng, sau đó về nhà anh Dương Kim H ăn cơm. Tại đây, anh Triệu Tiến Q và chị Triệu Thị P nói với anh Dương Kim H là đồng ý mua khu đất rừng nói trên. Khoảng 14 giờ cùng ngày, anh Triệu Tiến Q và anh Dương Kim H đến nhà Vi Văn H, lúc này chỉ có Vi Văn H ở nhà. Anh Triệu Tiến Q và anh Dương Kim H vào nhà thỏa thuận việc mua bán đất với Vi Văn H. Tại đây, anh Triệu Tiến Q đưa cho Vi Văn H số tiền 150.000.000 đồng, Vi Văn H nhận tiền rồi đưa lại cho Triệu Tiến Q 2.000.000 đồng. Sau đó, Vi Văn H viết giấy biên nhận tiền với anh Triệu Tiến Q và đưa cho anh Triệu Tiến Q 01 bản sao hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng số 01/HĐKT ngày 20/5/2008 giữa Ban quản lý dự án xxx huyện Đ với Vi Văn H; 01 bản sao thông báo điều chỉnh đơn giá khoán trồng mới rừng dự án xxx năm 2008 và 01 bản sao tờ bản đồ thiết kế trồng rừng phòng hộ năm 2008 thuộc Tiểu khu ** - Khoảnh ** xã C của Ban quản lý dự án xxx huyện Đ có đánh dấu phần diện tích đất rừng của lô * – Khoảnh ** – TK*** mà Vi Văn H nhận chăm sóc, bảo vệ theo hợp đồng số

01/HĐKT ngày 20/5/2008. Vi Văn H cho anh Triệu Tiến Q biết số giấy tờ trên là sổ rừng của mình, sổ cây thông trên đất là do Vi Văn H trồng từ năm 2008 và đã khai thác nhựa thông được khoảng 03 năm. Anh Triệu Tiến Q yêu cầu Vi Văn H viết giấy chuyển nhượng có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, nhưng do biết khu đất rừng trên không thuộc quyền quản lý của mình sẽ không làm được các thủ tục chuyển nhượng theo quy định, nên Vi Văn H bảo với anh Triệu Tiến Q là trưởng thôn đang đi vắng hẹn sẽ làm thủ tục và đưa lại cho anh Triệu Tiến Q sau, anh Triệu Tiến Q cầm toàn bộ giấy tờ trên về nhà. Sau khi mua được rừng anh Triệu Tiến Q thuê người mở đường vào khu đất rừng và tiếp tục gọi điện thoại yêu cầu Vi Văn H làm giấy tờ chuyển nhượng nhưng Vi Văn H trả lời là chưa làm xong.

Khoảng tháng 6 năm 2019, chị Vi Thị H (là con gái của Vi Văn H) về nhà chơi nên Vi Văn H nhờ chị Vi Thị H dùng máy tính soạn thảo một giấy chuyển nhượng khu đất rừng trên cho anh Triệu Tiến Q (Vi Văn H đọc nội dung để chị Vi Thị H soạn thảo). Sau khi soạn thảo xong, Vi Văn H ký vào phần người chuyển nhượng và gọi điện thoại cho anh Triệu Tiến Q cho biết đã làm xong thủ tục chuyển nhượng và hẹn anh Triệu Tiến Q lên nhà lấy. Khi anh Triệu Tiến Q đến thì Vi Văn H đưa cho anh Triệu Tiến Q 01 bản giấy chuyển nhượng đề ngày 21/6/2019. Thấy trên giấy chuyển nhượng không có xác nhận của chính quyền địa phương, anh Triệu Tiến Q hỏi thì Vi Văn H trả lời chỉ cần như vậy là được, Vi Văn H cam kết sau này sẽ không tranh chấp gì với anh Triệu Tiến Q. Sau đó, anh Triệu Tiến Q cầm giấy chuyển nhượng trên về và tiếp tục thuê người phát thực bì để trồng cây thì bị lực lượng Kiểm Lâm huyện Đ phát hiện và yêu cầu lên Ủy ban nhân dân xã C để làm việc. Tại đây, anh Triệu Tiến Q mới biết diện tích đất rừng mà Vi Văn H đã bán cho mình không thuộc quyền quản lý của Vi Văn H mà thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã C. Ngày 23/8/2020, anh Triệu Tiến Q đã đến Công an huyện Đình Lập tố cáo Vi Văn H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra xác định khu đất Vi Văn H bán cho anh Triệu Tiến Q có tổng diện tích 23,58 ha bao gồm: 14,15 ha (thuộc thửa đất số **, tờ bản đồ Lâm nghiệp số **) là đất rừng phòng hộ (bao gồm lô đất rừng số Lô ** – Khoảnh ** – Tiểu khu *** theo hợp đồng số 01/HĐKT ngày 20/5/2008) và 9,43 ha (thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ Lâm nghiệp số 04) là đất rừng sản xuất, trước đó thuộc ranh giới đất của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đ nhưng đã cắt trả về địa phương, hiện tại tổng số diện tích đất rừng nêu trên đều do Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Đối với tài sản trên đất thuộc Lô **, Khoảnh **, Tiểu khu *** theo Hợp đồng số 01 mà Vi Văn H ký với Ban quản lý dự án xxx huyện Đ thuộc sở hữu của Nhà nước, hiện giao cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đ quản lý, không thuộc sở hữu của Vi Văn H.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS-ĐL ngày 02/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Vi Văn H có hành vi phạm tội và lý lịch nêu trên ra trước Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn để xét xử về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Bị hại anh Triệu Tiến Q vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong lời khai của mình tại Cơ quan điều tra xác nhận sự việc xảy ra đúng như cáo trạng đã truy tố đối

với bị cáo. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã trả lại cho anh số tiền mua bán đất và bồi thường cho anh số tiền anh đã bỏ ra để làm đường và thuê người phát thực bì, nay anh không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, anh đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Nguyên đơn dân sự có ý kiến: Sau khi xảy ra vụ việc đã đi kiểm tra tại thực địa, việc anh Triệu Tiến Q cho người mở đường và phát thực bì trên diện tích đất rừng mà bị cáo Vi Văn H bán cho anh Triệu Tiến Q nhưng chưa gây thiệt hại gì. Do vậy nguyên đơn dân sự không yêu cầu gì về vấn đề bồi thường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vi Văn H phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.
- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị xử phạt bị cáo Vi Văn H từ 30 tháng đến 36 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.
- Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.
- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, nguyên đơn dân sự không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xem xét.
- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Vi Văn H vì liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.
- Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo, nguyên đơn dân sự không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Anh Triệu Tiến Q và chị Triệu Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của anh Triệu Tiến Q và chị Triệu Thị P không làm ảnh

hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Triệu Tiến Q và chị Triệu Thị P.

[3] Chứng cứ xác định bị cáo có tội: Khoảng tháng 4 năm 2019 lợi dụng sự thiếu hiểu biết của anh Triệu Tiến Q, bị cáo Vi Văn H đã dùng thủ đoạn lừa dối để bán cho anh Triệu Tiến Q khu đất rừng tại đồi K và đồi X thuộc thôn K, xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn lấy số tiền 150.000.000 đồng. Qua điều tra xác định khu đất Vi Văn H bán cho anh Triệu Tiến Q có tổng diện tích 23,58 ha, bao gồm: 14,15 ha (thuộc thửa đất số **, tờ bản đồ Lâm nghiệp số 04) là đất rừng phòng hộ và 9,43 ha (thuộc thửa đất số **, tờ bản đồ Lâm nghiệp số 04) là đất rừng sản xuất. Diện tích đất rừng nói trên không thuộc quyền quản lý của Vi Văn H mà thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vi Văn H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo Vi Văn H là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, hành vi của bị cáo gây ra phải được xử lý trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Để có mức án phù hợp ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền là 175.000.000 đồng; quá trình điều tra bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét cần áp dụng hình phạt bổ sung mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Sau khi sự việc xảy ra giữa bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về xử lý vật chứng: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Vi Văn H liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu hóa giá sung ngân sách nhà nước.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[14] Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, khoản 2, khoản 5 Điều 174; điểm a, khoản 1 Điều 47; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vi Văn H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vi Văn H 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/3/2021).

Giao bị cáo Vi Văn H cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI1: 868683048312072, số IMEI2: 868683048312064, bên trong điện thoại có 02 thẻ sim VIETTEL, số seri 8984-04800-00581-49940 và 8984-04800-00344-32640.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02 tháng 02 năm 2021).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Vi Văn H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QL,NVLQ
- Lưu: Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Duy

